

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 85/2025/HS-PT
Ngày: 10/7/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Đinh Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Hồng Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 25/2025/TLPT-HS ngày 12 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D và bị cáo Nguyễn Phúc Nguyên D1 có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Tây Ninh).

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D, sinh ngày: 07/3/1998, tại thị xã C, tỉnh Tiền Giang. HKTT và nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị Thu N; chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có hành vi vi phạm pháp luật; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2024 đến ngày 13/4/2024 chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt)

2. Bị cáo Nguyễn Phúc N1, sinh ngày 12/01/1998, tại huyện V, tỉnh Long An. HKTT và nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N2 và bà Trần Thị X; có vợ Trần Thị Tuyết N3 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có hành vi vi phạm pháp luật; Bị cáo bị tạm giữ

từ ngày 04/4/2024 đến ngày 13/4/2024 chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phạm Quốc D2 và bị cáo Nguyễn Phúc N1: Luật sư Võ Đình Trí D3, Công ty L1 (có mặt)

- Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

- Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Bùi Minh M, Nguyễn Võ Nhựt N4, Phan Văn H1, Võ Phúc H2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Đăng Hoàng Y, Trần Bách K, Nguyễn Hoàng N5, Nguyễn Thị P, Nguyễn Hồng N6, Huỳnh Thị N7, Nguyễn Văn N2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ 00 ngày 03/4/2024, tại nhà của Trần Phương L ở khu phố R, thị trấn V, huyện V, L tổ chức uống rượu bia cùng với Phạm Nguyễn Quốc D, Nguyễn Phúc N1, Bùi Minh M, Nguyễn Võ Nhựt N4 và một số người khác. Một lúc sau, D lấy xe mô tô đi đến quán N8 để mua thêm thức ăn. Tại đây D gặp người phụ nữ tên Bích T (chưa xác định họ tên, địa chỉ, D quen biết người này khi làm phục vụ nhà hàng ở thành phố Hồ Chí Minh) D được T bán cho 02 gói ma túy loại Ketamine, T chưa nói cho D biết giá tiền bao nhiêu nên D chưa trả tiền. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, D để 02 gói ma túy trong người đi lại nhà L uống rượu bia tiếp. Trong lúc uống rượu bia Nhựt Nguyên rủ Mẫn sáng ngày 04/4/2024 đến thị xã K sử dụng ma túy nhưng M từ chối. D, Phúc N1 nghe được nên mới nói bây giờ sử dụng luôn thì M đồng ý. Nhựt Nguyên cũng đồng ý nhưng hẹn đến 04 giờ sáng ngày 04/4/2024 vợ của Nhựt N4 đi thành phố Hồ Chí Minh, N sẽ đến. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Phúc N1, D và M đi lại nhà Phúc N1 thuê ở khu phố B, thị trấn V, để uống bia tiếp chờ Nhựt Nguyên đến rồi cùng sử dụng ma túy. M đi mua thức ăn nhưng không có nên D lấy 02 gói ma túy đã mua trước đó ra để cả ba sử dụng, P, M đồng ý. D lấy 01 cái đĩa sứ trong nhà Phúc N1 rồi bảo M đưa 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng, D cuộn tờ tiền lại, dán băng dính thành ống để hút ma túy. D mang loa và đèn chớp lazer ở phòng khách nhà Phúc N1 vào phòng ngủ phục vụ việc sử dụng ma túy. Phúc N1 chỉ cho D lấy 01 thẻ ATM bằng nhựa để ở đầu tủ trong phòng ngủ. Sau khi chuẩn bị dụng cụ xong, D đổ hết 01 gói ma túy vào trong đĩa, gói ma túy còn lại để bên cạnh đĩa. D dùng thẻ ATM cả nhuyển một ít ma túy thành bột mịn rồi cầm ống hút kê lên mũi hít để sử dụng, tiếp đó đến P và M sử dụng.

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 04/04/2024, Phan Văn H1 (quen biết với D) đang ở phòng trọ cùng với Võ Phúc H2. Hạn mượn điện thoại của H2 nhắn tin cho D bằng Facebook Messenger để nhờ D mua ma túy dùm. D gọi lại nói với H1 là không biết chỗ bán, D đang sử dụng ma túy ở nhà P nên rủ H1 đến sử

dụng. Phúc N1 và M nghe D rủ H1 thì không ý kiến gì. H1 và H2 lấy xe mô tô biển số 62Z6-5883 đi đến nhà P rồi cả hai vào phòng cùng sử dụng ma túy với Phúc N1, D, M. Đến khoảng 04 giờ 00 cùng ngày, Nhựt N4 đến nhà P, Nhựt N4 vào phòng thấy ma túy ở trên đĩa nên tự cả ra sử dụng. Cả nhóm sau khi hút ma túy thì nằm nghe nhạc. Lúc này, Nhựt N4 nhắn tin, điện thoại cho Lê Đăng Hoàng Y rủ sử dụng ma túy, Y từ chối. Nhựt N4 bảo những người có mặt cùng gọi điện thoại cho Y nhưng Y không nghe. Sau đó, H2 điều khiển xe mô tô đến nhà Y ở khu phố C, thị trấn V, chở Y đến cùng sử dụng ma túy với cả nhóm.

Vào lúc 08 giờ 20 phút cùng ngày, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy Công an huyện V phối hợp Công an thị trấn V kiểm tra căn nhà của ông Nguyễn Văn N2 (cha của Phúc N1) thuê ở khu phố B, thị trấn V, huyện V. Qua kiểm tra phát hiện, bắt quả tang tại căn phòng thứ nhất (từ phòng khách đi vào) 07 đối tượng đang tụ tập sử dụng trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ: 01 túi nylon có rãnh khếp viền màu xanh lá cây, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS4 1937402 được cất giấu dưới tấm nệm, 01 đĩa màu trắng đường kính 24,7cm, trong đĩa có 01 thẻ ATM bằng nhựa ngân hàng Á, 01 tờ tiền Việt Nam polime mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn dán băng dính màu vàng và chất bột màu trắng nghi là ma túy được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS1 1909373.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V thu giữ vật nghi là ma túy và trưng cầu giám định.

Tại kết luận giám định số: 223/KL-KTHS ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận:

1. Túi niêm phong mã số NS1 1909373: Chất bột màu trắng đựng trong 01 (một) đĩa sứ màu trắng được đóng gói niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,1664 gam, loại: Ketamine;

2. Túi niêm phong mã số NS4 1937402: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon có rãnh khếp viền màu xanh lá được đóng gói niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 1,0431 gam, loại: Ketamine.

Như vậy, tổng khối lượng ma túy là 1,2095 gam, loại: Ketamine.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiến hành thu giữ tài liệu, vật chứng có liên quan, cụ thể:

- 01 bì thư niêm phong nguyên vẹn, có chữ ký của người niêm phong Huỳnh Quốc C, người chứng kiến Phạm Thị Thanh T1 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh L, bên trong gồm: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 0,8296 gam (túi niêm phong mã số NS4 1937402); 01 (một) đĩa sứ màu trắng và tất cả vỏ bao đựng mẫu được đóng gói niêm phong số 223.

- 01 bì thư niêm phong nguyên vẹn, có chữ ký của người niêm phong Nguyễn Quốc D4, người chứng kiến Phạm Thị Thanh T1 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh L, bên trong gồm: 01 thẻ ATM bằng nhựa ngân hàng Á và 01 tờ tiền Việt Nam polime mệnh giá 10.000 đồng.

- 01 loa bluetooth hiệu Harman/Kardon, màu đen, đã qua sử dụng;
- 01 đèn chớp lazer không rõ nhãn hiệu, trên vỏ đèn có ghi chữ “K10+”, đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động hiệu iPhone 13 Pro Max, màu xanh, số sê-ri: XHY73KF7XG, đã qua sử dụng, gắn sim số 0941.686.882 của bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D.
- 01 điện thoại di động hiệu iPhone 15 Pro Max, màu bạc, số sê-ri: PG6TGX6H6W, đã qua sử dụng, gắn sim số 0332.646.480 và 01 điện thoại di động hiệu iPhone X, màu đen, số sê-ri: FK2VT96PJCLF, đã qua sử dụng, không gắn sim của bị cáo Phúc N1.
- 01 điện thoại di động hiệu iPhone 15 Pro Max, màu bạc, số sê-ri: M0VJ0L4169, đã qua sử dụng, gắn sim số 0962.905.007 của bị cáo M.
- 01 điện thoại di động hiệu iPhone 11, màu đen, số sê-ri: DX4D9VRTN72J, đã qua sử dụng, gắn sim số 0399.179.890 của bị cáo H2.
- 01 điện thoại di động hiệu iPhone 15 Pro Max, màu bạc, số sê-ri: M74Q352WC1, đã qua sử dụng, gắn sim số 0379.618.589 của bị cáo H1
- 01 điện thoại di động hiệu iPhone 14 Pro Max, màu tím, số sê-ri: L6RJW4P4C2, đã qua sử dụng, gắn sim số 0369.973.686 của bị cáo Nguyễn Võ Nhựt N4.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh, số sê-ri: QDYLOVJJWC, đã qua sử dụng, gắn sim số 0896.966.909 của H.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave Alpha, màu đỏ, chưa đăng ký biển số, số máy: JA39E-3121415, số khung: RLHJA3923PY495720 của bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D sử dụng.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Exciter, màu trắng, biển số 62Z6-5883, số máy: 5P71050067, số khung: RLCE5P710BY050069 của bị cáo Phan Văn H1 sử dụng.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: AirBlade, màu trắng-đỏ, biển số 54R2-6982, số máy: JF18E-5357722, số khung: RLHJF18083Y750806 của bị cáo Nguyễn Võ Nhựt N4 sử dụng.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave, màu đỏ-đen, biển số 62H4-6927, số máy: Không có, số khung: VLKPCH022LK016818 của bị cáo Phúc N1 sử dụng.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave, màu vàng-đen, biển số 59C2-313.64, số máy: HC08E-0185534, số khung: RLHHC080X2Y185516 của bị cáo Bùi Minh M sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKSVH ngày 25/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng truy tố bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ

luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Nguyễn Phúc N1, Bùi Minh M, Nguyễn Võ Nhựt N4, Phan Văn H1, Võ Phúc H2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Tây Ninh) đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Tuyên bố các bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D, Nguyễn Phúc N1, Bùi Minh M, Nguyễn Võ Nhựt N4, Phan Văn H1, Võ Phúc H2 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

3. Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 249, các Điều 38, 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D 01 (*một*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tạm giữ, tạm giam 04/4/2024.

4. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, các Điều 17, 38, 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D 08 (*tám*) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tạm giữ, tạm giam 04/4/2024.

+ Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt: Bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D phải chấp hành hình phạt của 02 tội là 09 (*chín*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tạm giữ, tạm giam 04/4/2024.

5. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, các Điều 17, 38, 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc N1 07 (*bảy*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tạm giữ, tạm giam 04/4/2024.

6. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, các Điều 17, 38, 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Minh M 02 (*hai*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tạm giữ, tạm giam 04/4/2024.

7. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, các Điều 17, 38, 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Võ Nhựt N4 02 (*hai*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, nhưng được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 29/4/2024 đến ngày 19/12/2024.

8. Căn cứ vào khoản 1 Điều 255, các Điều 17, 38, 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Phúc H2 02 (*hai*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tạm giữ, tạm giam 04/4/2024.

9. Căn cứ vào khoản 1 Điều 255, các Điều 17, 38, 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Văn H1 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tạm giam 29/4/2024.

Bị cáo Phan Văn H1 còn phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước là 8 tháng 19 ngày theo Quyết định số 63/2023/HSST-QĐ ngày 09/01/2024 và Bản án số 48/2022/HS-PT ngày 15/3/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

+ Căn cứ Điều 56, khoản 4 Điều 66 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phan Văn H1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 (*ba*) năm 02 (*hai*) tháng 19 (*mười chín*) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tạm giam 29/4/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D và bị cáo Nguyễn Phúc N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là đúng, không oan.

Bị cáo N1 thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là đúng, không oan. Các bị cáo D và N1 chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của các bị cáo trong thời gian luật định, những yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là Tòa án tỉnh Tây Ninh) thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo D có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g, khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, khoản 2

Điều 255 của Bộ luật Hình sự, bị cáo N1 có đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, do đó cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo D và N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt có nộp bổ sung đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355 và điểm c, khoản 1, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt theo hướng giảm nhẹ cho bị cáo N1 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và giảm nhẹ cho bị cáo D 03 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Người bào chữa cho các bị cáo D và N1 thống nhất với tội danh và điều luật mà cấp sơ thẩm đã áp dụng. Chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo nhiều hơn mức đại diện Viện kiểm sát tỉnh Tây Ninh đã đề nghị.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 340 và 344 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Vào đêm ngày 03 rạng sáng ngày 04/4/2024, tại nơi ở của Nguyễn Phúc N1, địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, Phạm Nguyễn Quốc D, Nguyễn Phúc N1, Bùi Minh M, Nguyễn Võ Nhựt N4 cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó, Nhựt N4 là người khởi xướng, D là người cung cấp ma túy, chuẩn bị dụng cụ, Phúc N1 là người cung cấp địa điểm, M là người cung cấp dụng cụ. Tiếp đó, Phan Văn H1 liên hệ với D để tìm mua ma túy nên D rủ H1 đến cùng sử dụng ma túy, Võ Phúc H2 và H1 đến để sử dụng và cả nhóm 06 người rủ thêm Lê Đăng Hoàng Y là người sau cùng đến sử dụng ma túy. Đến khoảng 08 giờ 20 phút ngày 04/4/2024 tại địa điểm trên, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy Công an huyện V phối hợp Công an thị trấn V phát hiện, bắt quả tang tại căn phòng thứ nhất (từ phòng khách đi vào) 07 đối tượng đang tụ tập sử dụng trái phép chất ma túy.

Tang vật thu giữ là 1,2095 gam ma túy, loại: Ketamine, trong đó ma túy chưa sử dụng hết trên đĩa là 0,1664 gam, ma túy trong túi nylon chưa lấy ra sử dụng là 1,0431 gam được D cất giấu dưới tấm nệm. Số ma túy trên D mua ở quán nướng xiên que, tại khu phố R, thị trấn V, huyện V của 01 người phụ nữ không rõ lai lịch vào tối ngày 03/4/2024, mục đích để sử dụng.

[3] Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Phạm Nguyễn Quốc D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và Phạm Nguyễn Quốc D, Nguyễn Phúc N1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Do đó, án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo D và N1 là đúng tội, không oan.

[4] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo: Bị cáo D và bị cáo N1 đều chứng cứ thể hiện gia đình có hoàn cảnh khó khăn được khu phố xác nhận và ngày 14/4/2025; bản thân bị cáo N1 và gia đình đều có đóng góp cho địa phương được giấy khen trong dịch C1. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo N1 và giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho bị cáo D đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thì xét mức hình phạt cấp sơ thẩm là phù hợp nên không xem xét giảm nhẹ cho bị cáo D đối với tội này.

[6] Ngoài ra, xét thấy đối với các bị cáo khác như bị cáo Bùi Minh M và Võ Nhựt N4 đều phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2, Điều 255 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 07 đến 15 năm. Cả hai bị cáo M và Nhựt N4 đều chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt M và Nhựt N4 dưới mức khung hình phạt đã áp dụng là sai lầm trong việc áp dụng pháp luật. Hơn nữa, mức hình phạt của M và Nhựt N4 đều bị xử phạt 02 năm 03 tháng tù là nhẹ hơn các bị cáo trong cùng vụ án nhưng chỉ phạm tội ở khoản 1, Điều 255 Bộ luật Hình sự. Nhưng do các bị cáo M và Nhựt N4 không bị kháng nghị nên trong phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử cần kiến nghị để xem xét theo trình tự giám đốc thẩm để xem xét lại đối với các bị cáo M và Nhựt N4.

[7] Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Tây Ninh), về hình phạt đối với các bị cáo D và bị cáo Phúc N1.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355; điểm c, khoản 1, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D và Nguyễn Phúc N1; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Tây Ninh), về hình phạt đối với các bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D và Nguyễn Phúc N1.

2. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2.1. Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 249, các Điều 38, 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D 01 (*một*) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2.2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, các Điều 17, 38, 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D 08 (*tám*) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt: Bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D phải chấp hành hình phạt của 02 tội là 09 (*chín*) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tạm giữ, tạm giam 04/4/2024.

3. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phúc N1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, các Điều 17, 38, 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc N1 07 (*bảy*) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tạm giữ, tạm giam 04/4/2024.

Áp dụng Điều 347 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo D và N1 45 ngày, để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo Phạm Nguyễn Quốc D và Nguyễn Phúc N1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 9;
- VKSND khu vực 9;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh